

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN .

- **Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
 - + Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh
 - + Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Liên và ông Vũ Quang Nguyên.
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động: bà Nguyễn Thị Yên– Kiểm sát viên.
 - Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
 - Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.
 - Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2021.

XÉT THẤY

Tại phiên toà các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: anh Trần Văn B, sinh năm 1979;

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

1.2. Bị đơn: chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1979;

ĐKHKT: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn Giang, xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Huyền D, sinh ngày 05/01/2011;

+ Cháu Trần Khánh L, sinh ngày 06/8/2014;

ĐKHKT: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

1.4. Người đại diện theo pháp luật cho cháu D và cháu L: anh Trần Văn B và chị Trần Thị Hồng T;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn B và chị Trần Thị Hồng T đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: anh B, chị T đều xác định vợ chồng có hai con chung là Trần Huyền D, sinh ngày 05/01/2011 và Trần Khánh L, sinh ngày 06/8/2014. Hiện nay hai cháu khi ở với chị T, khi ở với anh B nhưng chủ yếu ở với chị T. Anh B và chị T tự nguyện thỏa thuận: giao cho anh B trực tiếp nuôi cháu D đến khi cháu thành niên; chị T trực tiếp nuôi cháu L đến khi cháu thành niên. Anh B, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B, chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản: anh B, chị T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung. đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: anh B tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001955 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Anh B đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- VKSND huyện KĐ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã Chính Nghĩa;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Oanh